TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2019/HNGĐ-ST
Ngày 21-5-2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Phú.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Bé.

2. Ông Nguyễn Văn Thảnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Huỳnh Phúc Tài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quí - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 398/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Kim B, sinh năm: 1998 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Võ Tấn T, sinh năm: 1983 (vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn ly hôn ngày 19/12/2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Kim B trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Võ Tấn T bắt đầu chung sống từ năm 2015, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 12/2017 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T cờ bạc, không chăm lo gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vã và nhiều lần anh T còn hâm dọa giết chị. Chị đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi nên đến cuối năm 2017 chị về

nhà cha mẹ ruột sống và ly thân với anh T đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Lê Ngọc T, sinh ngày 05/12/2016, hiện đang sống với chị B. Ly hôn, chị B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

***** Bị đơn anh Võ Tấn T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh T không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn được; đối với con chung hiện sống với mẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh Võ Tấn T đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh T.

[3] Chị Lê Thị Kim B yêu cầu được ly hôn với anh Võ Tấn T.

Xét thấy, chị B và anh T chung sống được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Trị cấp giấy chứng nhận kết hôn số 43 ngày 05/7/2016 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa chị B và anh T xãy ra mâu thuẫn kéo dài không tự hàn gắn được và anh, chị đã không còn sống chung từ cuối năm 2017 đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập để tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm giữa hai bên nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do, chứng tỏ anh T chẳng quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn

tha thiết đến cuộc hôn nhân với chị B. Thấy rằng, giữa chị B và anh T không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đở nhau; cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình, nên cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa chị B và anh T đã trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị B và anh T có 01 con chung chưa thành niên tên Võ Lê Ngọc T. Quá trình điều tra, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh T trong đó có nêu rõ về yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị B, nhưng anh T không thể hiện nguyện vọng của mình đối với con chung. Tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; ..."*. Do anh T vắng mặt nên không có sự thỏa thuận với chị B về việc nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng, hiện cháu T đang sống chung với chị B, nhằm tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo cho sự phát triển bình thường cho cháu nên cần thiết giao T cho chị B được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu sau này anh T có yêu cầu về con chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

Chị B yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật là phù hợp nhằm đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên được được Hội đồng xét xử chấp nhận. Mức cấp dưỡng nuôi cháu T hàng tháng bằng ½ mức lương tối thiểu do nhà nước quy định. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu T đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

[5] Chị B không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Chị B là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 228 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Kim B, cho chị Lê Thị Kim B yêu cầu được ly hôn với anh Võ Tấn T.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Lê Ngọc T, sinh ngày 05/12/2016 cho chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Võ Lê Ngọc T hàng tháng, mỗi tháng bằng ½ mức lương tối thiểu do nhà nước quy định (thời điểm hiện tại tương đương 695.000 đồng/tháng). Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu T đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Kim B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 39973 ngày 19/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, nên chị B đã nộp xong án phí.

Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Lê Thị Kim B được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Anh Võ Tấn T vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thanh Phú